| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2020/DSPT

Ngày: 27 - 5 - 2020.

"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Duy Tuấn.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Huờn, bà Lưu Thị Thu Hường.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Đỗ Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk* tham gia phiên toà**: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLPT-DS, ngày 09/01/2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C bị nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐ-PT, ngày 02/3/2020 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ông Đoàn Đắc Đ, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn 01, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Toàn T (Văn bản ủy quyền ngày 11/3/2020) - Có mặt.

Địa chỉ: Số 54 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

***2. Bị đơn:*** Bà H N Bkrông, sinh năm 1984, địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Vắng mặt.

***3. Người làm chứng:***

1/ Bà H M Bkrông;

2/ Bà H K Niê;

3/ Ông Điểu T;

4/ Bà H L Bkrông;

5/ Ông Y D Byă.

Cùng địa chỉ: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Tất cả người làm chứng đều vắng mặt).

* Người kháng cáo: Ông Đoàn Đắc Đ là nguyên đơn trong vụ kiện.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*** Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ trình bày:**

Ngày 22/4/2018, bà H N có vay ông Đoàn Đắc Đ số tiền 272.000.000 đồng (Hai trăm, bảy mươi hai triệu đồng). Hai bên có thỏa thuận bằng miệng là 01 năm sau sẽ trả tiền gốc, còn tiền lãi thì sau khi trả tiền gốc sẽ thỏa thuận về tiền lãi. Mục đích vay tiền để bà H N mua đất. Khi vay ông Đ và bà H N có lập Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/4/2018 đối với thửa đất số 8550, tờ bản đồ số 31, có diện tích là 2.800 $m^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487 đứng tên bà H M Bkrông đã tặng cho bà H N Bkrông. Trong Hợp đồng này có chồng của bà H N là ông Y D Byă cùng với ông Điểu T, bà H M Bkrông và bà H L Bkrông đều ký, điểm chỉ nhưng với tư cách là người chứng kiến. Sau khi ký hợp đồng thì ông Đ đã giao đủ cho bà H N số tiền 272.000.000 đồng nhưng không lập giấy tờ gì đối với việc giao nhận tiền vì ông nghĩ đã có hợp đồng mà hai bên đã ký.

Cùng trong ngày 22/4/2018 bà H N vay tiếp của Đoàn Đắc Đ số tiền 62.850.000 đồng (Sáu mươi hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng). Thời hạn vay là 01 năm đến ngày 22/4/2019 bà H N sẽ trả số tiền vay; lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là sau khi trả tiền gốc xong thì hai bên sẽ tính toán tiền lãi. Đối với số tiền này bà H N không thế chấp cho ông Đ tài sản gì, hai bên có lập giấy mượn tiền và có bà H K Niê trú cùng buôn là người chứng kiến.

Ngày 25/5/2018, ông Đoàn Đắc Đ tiếp tục cho bà H N vay thêm số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Thời hạn vay 01 năm và lãi suất cũng thỏa thuận bằng miệng như những lần vay trước là sau khi trả tiền gốc thì hai bên thỏa thuận lãi suất. Khi vay hai bên có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018, theo đó để đảm bảo cho khoản vay này bà H N Bkrông có thế chấp cho ông Đ quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 8550, tờ bản đồ số 31, có diện tích là 2.800 $m^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487 đứng tên bà H M Bkrông do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/8/2013 và đã tặng cho bà H N Bkrông. Hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ. Sau khi lập Hợp đồng xong thì ông Đ đã giao đủ số tiền trên cho bà H N nhưng cũng không lập giấy tờ giao, nhận tiền vì ông cho rằng có hợp đồng mà hai bên đã ký và bà H N cũng đã giao cho ông Đ bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487, hiện tại ông Đ đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Ngoài ra, bà H N có tự nguyện để lại cho ông Đ 02 giấy đặt cọc tiền mua đất của bà A Duân C để làm tin đối với mục đích vay tiền.

Quá trình vay bà H N chỉ trả cho ông Đ được số tiền 11.700.000 đồng, ông Đ không nhớ rõ ngày, tháng, năm trả và bà H N cũng không nói rõ là trả tiền gốc hay tiền lãi.

Tính đến nay bà H N Bkrông còn nợ ông Đoàn Đắc Đ tổng số tiền nợ gốc là 403.150.000đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Nay ông Đ yêu cầu bà H N trả lại tổng số tiền này và không yêu cầu trả lãi suất.

*** Bị đơn bà H N Bkrông trình bày:**

Bà H N Bkrông không đồng ý với phần trình bày của ông Đoàn Đắc Đ. Hiện nay bà chỉ còn nợ ông Đ tổng số tiền là 130.000.000đ (Một trăm, ba mươi triệu đồng), cụ thể các lần vay như sau:

Vào ngày 22/4/2018, bà vay ông Đ số tiền là 62.850.000đ (Sáu mươi hai triệu, tám trăm năm mươi nghìn đồng) với lãi suất là 3.000đồng/ngày/01 triệu nhưng lãi này chỉ thỏa thuận bằng miệng. Mục đích vay tiền là để mua đất, hẹn sau 01 năm sẽ trả nợ. Sau đó cũng trong tháng 4 năm 2018 (không nhớ rõ ngày) bà H N Bkrông vay tiếp của ông Đ số tiền là 67.150.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Đối với lần vay này về thời hạn trả nợ cùng với lãi suất bà và ông Đ cũng thỏa thuận như lần vay ngày 22/4/2018. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền viết bằng tay nhưng đều do ông Đ giữ.

Quá trình vay tiền bà đã trả cho ông Đ được tổng cộng số tiền 36.700.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi nhưng không lập biên bản giấy tờ gì. Còn số tiền nợ gốc 130.000.000 đồng (Một trăm, ba mươi triệu đồng) do kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được cho ông Đ. Nay bà đồng ý trả lại cho ông Đ số tiền đã vay 130.000.000 đồng nhưng đề nghị trả dần, cụ thể ngày 30/12/2019 trả 65.000.000 đồng và ngày 02/12/2020 trả hết số tiền còn lại.

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất ngày 22/4/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/5/2018 thì chữ ký và chữ viết trong hai hợp đồng này là của bà nhưng khi ký bà không đọc nên không biết nội dung gì. Bà H N xác định bà không nhận số tiền 272.000.00 đồng (Hai trăm, bảy mươi hai triệu đồng) và số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) ghi trong hai hợp đồng này mà chỉ giao cho ông Đ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 30/8/2013 đứng tên bà H M Bkrông và ngày 30/6/2014 bà H M Bkrông đã tặng cho bà, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C cập nhật, chỉnh lý thay đổi quyền sở hữu cho bà. Mục đích bà giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để làm tin cho việc vay số tiền 130.000.000 đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

*** Người làm chứng: Ông Y D Byă, bà H M Bkrông và bà H L Bkrông trình bày:**

Ngày 22/4/2018, các ông, bà có chứng kiến việc bà H N Bkrông có vay của ông Đoàn Đắc Đ số tiền 62.850.000 đồng. Quá trình vay tiền thì hai bên có lập giấy vay tiền ghi bằng tay do ông Đ ghi nội dung và các bên ký vào giấy này. Còn đối với các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì các ông, bà không biết nội dung gì.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định**:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 157, 165, 203, 220, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466; khoản 1 Điều 161, Điều 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai 2013

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 26/12/2006 của Chính phủ; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ. Buộc bị đơn bà H N Bkrông phải trả cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền nợ vay 62.850.000 đồng *(sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Không chấp nhận đối với yêu cầu trả khoản tiền 272.000.000 đồng ghi trong hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/4/2018 và khoản tiền 80.000.000 đồng ghi trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/12/2019, nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm mà ông cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chưa thật sự khách quan, chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ chứng cứ gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

**Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ là có căn cứ. Bởi lẽ, ông Đoàn Đắc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà H N Bkrông trả cho ông Đ số tiền ông đã cho bà H N Bkrông mượn theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/4/2018 là 272.000.000đồng, theo Giấy mượn tiền ngày 22/4/2018 là 62.850.000 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ là

80.000.000đồng - đều được bà H N Bkrông thừa nhận chữ viết và ký tên trong hợp đồng và giấy mượn tiền này. Việc bà H N Bkrông cho rằng khi ký 02 hợp đồng trên thì bà không đọc nên không biết nội dung nhưng bà H N Bkrông không có tài liệu gì chứng minh. Quá trình vay tiền bà H N Bkrông đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hai giấy đặt cọc mua đất cho ông Đ để làm tin. Do đó, bà H N Bkrông vay tiền của ông Đ 03 lần là có thật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ, sửa Bản án dân sự số 41/2019/DS-ST, ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà H N Bkrông và những người làm chứng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ và bị đơn bà H N Bkrông đều thừa nhận ngày 22/4/2018 giữa ông Đ và bà H N Bkrông ký hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01 có ghi nội dung, nghĩa vụ được đảm bảo là 272.000.000đồng, ngày 25/5/2018 có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 31/2018/HĐTC có ghi nội dung nghĩa vụ được đảm bảo đối với số tiền vay gốc là 80.000.000đồng và theo giấy mượn tiền ngày 22/4/2018 ông Đ cho bà H N Bkrông vay số tiền 62.850.000đồng, thời hạn trả của các khoản vay này là 01 năm.

Ông Đoàn Đắc Đ cho rằng bà H N Bkrông vay của ông 3 khoản tiền trên với tổng số tiền là 403.150.000đồng đã quá hạn trả nợ nên ông khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H N trả cho ông số tiền là 403.150.000đồng và ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà H N Bkrông cho rằng ngày 22/4/2018 bà có vay của ông Đoàn Đắc Đ số tiền 62.850.000đồng, các bên thỏa thuận miệng lãi suất 3.000đồng/ngày/01triệu, mục đích vay để mua đất, hẹn sau 01 năm sẽ trả nợ và khoảng tháng 4/2018 (bà không nhớ rõ ngày) bà có vay tiếp của ông Đ số tiền 67.150.000đồng, về lãi và thời hạn trả nợ tính như ngày bà vay ngày 22/4/2018 của ông Đ. Do đó, bà chỉ có vay của ông Đ tổng số tiền 130.000.000đồng. Quá trình vay bà đã trả cho ông Đ tổng cộng số tiền 36.700.000đồng, khi trả tiền giữa các bên không lập biên bản giấy tờ gì. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 22/4/2018 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018 được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ thì

bà có ký nhưng 02 hợp đồng này bà chỉ ký để làm tin cho việc vay ông Đ tổng số tiền 130.000.000 đồng nêu trên và bà khẳng định không có nhận tiền gì từ ông Đ.

[2.2] Xét thấy đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm đã gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp cho ông, vì ông cho rằng bản án sơ thẩm chưa thật sự khách quan, chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ chứng cứ là có cơ sở cần chấp nhận.

Bởi vì, tại Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 01, ngày 22/4/2018 (Bút lục 71) bà H N Bkrông có thế chấp quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487, thửa đất số 8550, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.800m$^2$, do UBND huyện C cấp ngày 30/8/2013 mang tên bà H M Bkrông đã tặng cho bà H N Bkrông vào ngày 30/6/2014, giữa ông Đ và bà H N Bkrông đều thừa nhận có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản vay tiền, tại Điều 1 của Hợp đồng này có ghi *"Bên A đồng ý thế chấp tài sản gắn liền với đất của mình để đảm bảo nghĩa vụ dân sự đối với bên B: Nghĩa vụ được đảm bảo là 272.000.000đồng"* và tại Giấy mượn tiền ngày 22/4/2018 (Bút lục 79) có ghi *"... mà không trả lãi thì ông Đ có quyền yêu cầu bên vay trả tài sản đã thế chấp theo hợp đồng vay ngày 22/4/2018* ***đã lấy trước 272.000.000đồng,*** *giấy này viết song đọc lại hai bên cùng nghe và ký tên"*. Do vậy, có đủ cơ sở xác định bà H N Bkrông đã nhận số tiền 272.000.000đồng vay của ông Đ; Tòa án cấp sơ thẩm bác một phần đơn khởi kiện của ông Đ đối với khoản tiền 272.000.000đồng này là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông Đ, chưa xem xét, đánh giá toàn diện nội dung và các chứng cứ mà ông Đ đã cung cấp như đã nêu trên.

Đối với số tiền 62.850.000đồng mà ông Đoàn Đắc Đ khởi kiện đã được bà H N Bkrông thừa nhận vay của ông Đ vào ngày 22/4/2018, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H N Bkrông phải trả cho ông Đoàn Đắc Đ 62.850.000đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018 (Bút lục 78) được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, tài sản thế chấp của hợp đồng là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 002487, thửa đất số 8550, tờ bản đồ số 31, diện tích 2.800m$^2$, do UBND huyện C cấp ngày 30/8/2013 mang tên bà H M Bkrông đã tặng cho bà H N Bkrông vào ngày 30/6/2014; giữa ông Đ và bà H N Bkrông đều thừa nhận có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản vay tiền, nhưng nội dung của hợp đồng này không thể hiện bà H N Bkrông đã nhận tiền và ông Đ không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh bà H N Bkrông nhận của ông Đ số tiền 80.000.000đồng vào ngày 25/5/2018; đồng thời hợp đồng thế chấp tài sản này chưa đăng ký giao dịch bảo đảm, chưa vào sổ địa chính tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bà H N Bkrông cũng không thừa nhận đã nhận số tiền từ hợp đồng này mà bà cho rằng bà ký hợp đồng này là để bảo đảm cho khoản vay 67.150.000đồng vào khoảng tháng 4/2018 (bà không nhớ rõ ngày).

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý để khẳng định bà H N Bkrông có vay và đã nhận tổng số tiền là 334.850.000đồng (vay 02 lần) của ông Đoàn Đắc Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Đoàn Đắc Đ cho rằng sau khi vay các khoản tiền nêu trên bà H N Bkrông đã trả cho ông được 02 lần tiền (lần 01 là 11.700.000đồng và lần 02 là 1.150.000đồng) là 12.850.000đồng, thời gian cụ thể

ông không nhớ rõ. Xét thấy ông Đ thừa nhận bà H N Bkrông đã trả nợ cho ông tổng số tiền 12.850.000đồng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H N Bkrông nên cần chấp nhận và được khấu trừ vào tổng số tiền bà H N Bkrông còn nợ ông Đ là 334.850.000đồng. Sau khi cấn trừ số tiền vay (334.850.000đồng) và số tiền bà H N Bkrông đã trả (12.850.000đồng), bà H N Bkrông còn phải trả ông Đoàn Đắc Đ với tổng số tiền 322.000.000đồng.

Đối với số tiền 67.150.000đồng ông Đoàn Đắc Đ không khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp. Vì vậy, ông Đoàn Đắc Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét buộc bà H N Bkrông trả cho ông số tiền 67.150.000đồng là vượt quá phạm vi, nội dung đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Việc ông Đoàn Đắc Đ cho rằng khi bà H N Bkrông vay tiền có gửi cho ông 02 giấy đặt cọc mua đất giữa bà H N Bkrông và bà A Duân C để làm tin (Giấy đặt cọc ngày 18/3/2017 và giấy đặt cọc ngày 22/4/2018) mà ông nộp tại Tòa án cấp sơ thẩm để làm chứng cứ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện chứng cứ này làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy 02 giấy đặt cọc này không phải là tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà H N Bkrông trả nợ cho ông Đ nên Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định vào bản án sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy, kháng cáo của ông Đoàn Đắc Đ cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá toàn diện, đầy đủ chứng cứ này là không có cơ sở.

[2.4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk là có cơ sở.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên cần tính lại án phí ông Đoàn Đắc Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 10.663.000 đồng tạm ứng án. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền 6.663.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2017/0014607, ngày 21/6/2019 ông Đoàn Đắc Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn bà H N Bkrông được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận đơn kháng cáo nên nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả số tiền 300.000đồng ông Đoàn Đắc Đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0006996 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[3.3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Đoàn Đắc Đ tự nguyện nộp 600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng ông Đ đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự:

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ - Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2019/DS-ST ngày 22/11/2019 của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 95, khoản 3 Điều 188 Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ, buộc bị đơn bà H N Bkrông phải trả cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền nợ vay là 322.000.000đồng *(Ba trăm hai mươi hai triệu đồng chẵn).*

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

[2.2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Đắc Đ đối với yêu cầu buộc bà H N Bkrông phải trả khoản tiền 80.000.000đồng ghi trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31/2018/HĐTC ngày 25/5/2018.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Ông Đoàn Đắc Đ tự nguyện nộp 600.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng ông Đ đã nộp tại Tòa án và đã chi phí xong.

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H N Bkrông.
- Ông Đoàn Đắc Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 10.663.000 đồng tạm ứng án. Hoàn trả lại cho ông Đoàn Đắc Đ số tiền 6.663.000 đồng (sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn đồng) theo

Biên lai thu số AA/2017/0014607, ngày 21/6/2019 ông Đoàn Đắc Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đoàn Đắc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại số tiền 300.000đồng ông Đoàn Đắc Đđã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2019/0006996 ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện Cư Kuin;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TAND;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Duy Tuấn**